TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2020
V/v "Chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc "Chia tài sản sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953 (có mặt).

*Bị đơn:*Bà Tô Thị L, sinh năm 1956 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ban Quản lý rừng phòng hộ Năm Căn (có đơn xin vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984 (có mặt) và chị Cao Thị T, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng).

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày yêu cầu:

Ông S và bà L trước đây là vợ chồng, đến năm 2018 thì ly hôn theo Bản án số 67/2018/HNGĐ-ST ngày 10/10/2018. Thời điểm ly hôn đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Nay ông S và bà L không tự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản sau khi ly hôn nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể: Tài sản chung của vợ chồng tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 phần đất lâm nghiệp nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Năm Căn, tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện Năm Căn có diện tích 3,7ha; căn nhà trên đất trị giá 40.000.000 đồng; phà và máy sên vuông trị giá 15.000.000 đồng. Giá trị phần đất là 1.000.000.000 đồng.

Ông rút yêu cầu chia tài sản là căn nhà, phà và máy sên vuông, các tài sản này ông để lại cho con. Ông chỉ đặt ra yêu cầu chia đôi phần đất hiện bà L đang trực tiếp canh tác và khai thác, ông đề nghị nhận tiền là 500.000.000 đồng, giao đất cho bà L quản lý. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác. Đối với việc trưng cầu giám định chữ ký của ông, do bà L thừa nhận không phải chữ ký của ông nên ông không yêu cầu giám định chữ ký.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tô Thị L trình bày:

Tài sản của bà L với ông S sau ly hôn gồm: 01 phần đất tọa lạc tại ấp N, xã L nhận giao khoán từ Ban quản lý rừng phòng hộ Năm Căn, diện tích 3,7ha giá trị 1.000.000.000 đồng; căn nhà, phà và máy sên vuông.

Bà L đồng ý chia đôi phần đất, không quy đổi ra tiền mà chia hiện vật. Tài sản chung còn căn nhà, phà, máy, trữ lượng cây rừng thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản quản lý rừng phòng hộ Năm Căn có văn bản xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai và tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M và chị Cao Thị T trình bày:

Khi ông S bà L ly hôn anh chị không ý kiến. Nay ông S yêu cầu chia đôi tài sản chung của ông S bà L là phần đất thì anh chị không thống nhất, do bà L là người có công sức nhiều trong việc quản lý, canh tác phần đất; ông S không đóng góp gì, yêu cầu Tòa án tính phần nhiều hơn cho bà L.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn S yêu cầu chia đôi tài sản là phần đất, trị giá 1.000.000.000 đồng, ông yêu cầu nhận tiền bằng 500.000.000 đồng. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Bà Tô Thị L đồng ý chia đôi diện tích đất, không chia bằng tiền.

Anh M đề nghị chia phần nhiều hơn cho bà L.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau ly hôn của ông Nguyễn Văn S, chia đôi phần đất quy ra gia trị tiền, giao bà L quản lý phần đất, buộc bà L giao cho ông S 500.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông S về chia tài sản là nhà, phà và máy sên vuông do ông S tự nguyện rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông S khởi kiện Tòa án yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bà L, thuộc thẩm quyết giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà L có nơi cư trú tại ấp N, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và trong vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ban quản lý rừng phòng hộ Năm Căn, chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

Chị N được triệu tập lần 2 nhưng vắng mặt không lý do nên áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị N.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S:

Do ông S tự nguyện rút một phần yêu cầu chia tài sản là căn nhà trị giá 40.000.000 đồng, phà và máy sên vuông trị giá 15.000.000 đồng nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu chia tài sản sau ly hôn là 01 phần đất lâm nghiệp nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Năm Căn, diện tích 3,7ha tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện Năm Căn. Hai đương sự đều thừa nhận phần đất là tài sản do vợ chồng tạo dựng có được trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xác định phần đất là tài sản chung của ông S và bà L. Hai đương sự tự thỏa thuận và thống nhất được giá trị phần đất là 1.000.000.000 đồng nên không phải định giá; ông bà đều đồng ý chia đôi tài sản, mỗi người nhận 1/2 tài sản. Tuy nhiên, ông S đề nghị được nhận tiền, không nhận đất; bà L đề nghị chia đôi hiện vật không chia tiền.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay, bà L là người trực tiếp quản lý, canh tác và khai thác trên phần đất nên xét giao phần đất cho bà L tiếp tục quản lý là phù hợp. Hồ sơ thể hiện phần đất là đất rừng phòng hộ không đủ diện tích tách thửa, nên không thể chia đôi đất mà giao đất cho bà L quản lý, buộc bà L giao phần tiền bằng 500.000.000 đồng cho ông S là có cơ sở quy định tại Điều 33, 37, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 213, 219 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí:

Án phí chia tài sản mỗi đương sự chịu là 24.000.000 đồng. Do ông S và bà L đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi) có đơn xin miễn chịu án phí sơ thẩm nên được miễn án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39;điểm a khoản 1 Điều 92; khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 37, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự;Điều 12, điểm b khoản 5Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đối với yêu cầu chia tài sản là căn nhà trị giá 40.000.000 đồng, phà và máy sên vuông trị giá 15.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau ly hôn của ông Nguyễn Văn S đối với phần đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau diện tích 3,7ha, có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 474, phía Nam giáp thửa 476, phía Đông giáp Rạch T, phía Tây giáp Rạch N.

Giao cho bà Tô Thị L trực tiếp quản lý, canh tác và khai thác phần đất. Buộc bà Tô Thị L giao giá trị bằng tiền là 500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn S và bà Tô Thị L được miễn án phí sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

4. Kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Khánh